

Số: 05 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 04 tháng 4 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 2405/TN-23 ngày 24/5/2023 của Hộ Kinh Doanh Tổ Ngọc về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Phân xưởng chế biến bánh phồng tôm, lạp xưởng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 196/TTr-TNMT ngày 31 tháng 7 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Hộ Kinh Doanh Tổ Ngọc, địa chỉ tại số 467, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở phân xưởng chế biến bánh phồng tôm, lạp xưởng có địa chỉ tại tại số 467, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Hộ Kinh Doanh Tổ Ngọc.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 467, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến thực phẩm.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích là 4.207 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí dự án đầu tư công) và dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm III

theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: bánh phồng tôm 300 tấn sản phẩm/năm và lạp xưởng 300 tấn sản phẩm/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ Kinh Doanh Tố Ngọc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ Kinh Doanh Tố Ngọc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.... tháng..... năm 2023 đến ngày..... tháng.....năm 2033).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã An Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / 7/16

*Nơi nhận:*

- Hộ Kinh Doanh Tô Ngọc;
- Sở TN&MT tỉnh;
- Phòng TN&MT huyện;
- UBND xã An Hiệp;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Văn Khoa*

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ**  
**NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân huyện Châu Thành*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, người lao động tại cơ sở với lưu lượng khoảng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nhà vệ sinh 1).
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, người lao động tại cơ sở với lưu lượng khoảng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nhà vệ sinh 2).
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà ăn khoảng 01 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa thịt heo, thịt mỡ, rửa ruột heo,... vệ sinh khu vực nhà xưởng, rửa trang thiết bị phục vụ cho việc chế biến khoảng 12 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Xáng - Phụng Hiệp - ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại Kênh Xáng - Phụng Hiệp - ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 6<sup>0</sup>): X=1.066.169; Y=548.611.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 16,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sẽ theo đường ống nhựa PVC đường kính 120mm, dài khoảng 5m xả vào nguồn tiếp nhận là kênh Xáng - Phụng Hiệp theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm          | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|-----------------------|-------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| 1  | pH                    | --          | 5,5 – 9                   | 06 tháng/lần               | Không thuộc đối tượng       |
| 2  | Chất rắn lơ lửng      | mg/l        | 108                       |                            |                             |
| 3  | BOD <sub>5</sub>      | mg/l        | 54                        |                            |                             |
| 4  | COD                   | mg/l        | 162                       |                            |                             |
| 5  | Tổng Nitơ (theo N)    | mg/l        | 43,2                      |                            |                             |
| 6  | Tổng Photpho (theo P) | mg/l        | 6,48                      |                            |                             |
| 7  | Amoni                 | mg/l        | 10,8                      |                            |                             |
| 8  | Coliform              | MNP/100ml   | 5.000                     |                            |                             |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích là 5,4 m<sup>3</sup> được thu gom bằng ống nhựa uPVC có đường kính Ø60 mm sau đó được xử lý tại ao nuôi cá trước khi thoát vào khu vực xung quanh.

- Nguồn số 2: Nước thải từ nhà ăn và hoạt động sản xuất: được thu gom bằng hệ thống cống bê tông Ø300-700 mm tại đây nước thải được tách thành phần rác thô bởi hệ thống song chắn rác đặt tại hố gas cống dẫn nước thải, nước thải sau đó được dẫn trực tiếp về hầm Biogas sau đó chảy qua hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Song chắn rác → Hầm Biogas → Bể thu gom & tách mỡ → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi → Bể tiền UASB → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể phân hủy bùn.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại có thể tích là 5,4 m<sup>3</sup>.

+ Hầm biogas có thể tích là 300 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine 300 kg/tháng, NaOH 150 kg/tháng, Vi sinh 300 lít/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

**Phòng ngừa, ứng phó sự cố hầm biogas:** Thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống thoát nước thải và hầm ủ biogas để kịp thời khắc phục sự cố, tránh ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống và tránh tình trạng ứ đọng nước thải làm phát sinh mùi hôi. Chủ cơ sở cam kết trong thời gian khắc phục sự cố sẽ không để nước thải từ hầm biogas thoát ra môi trường.

**Phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXLNT:**

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, Công ty phải tuân thủ đúng các quy định kỹ thuật của đơn vị thiết kế, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom nước thải, máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải vào sổ theo dõi nhật ký vận hành hàng ngày.

- Thường xuyên kiểm tra cảm quan chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (màu sắc, mùi...), trường hợp phát hiện có dấu hiệu bất thường phải bơm về bể điều hòa để quay vòng xử lý, đảm bảo không xả nước thải chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường ra môi trường. Định kỳ lấy mẫu, đánh giá chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải; trong đó, có nội dung ứng phó sự cố nước thải theo quy định.

**Phòng chống cháy nổ:** Thường xuyên kiểm tra các kho chứa nguyên liệu, phế liệu bao bì; Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

**Sự cố từ kho chứa chất thải nguy hại:** Chất thải nguy hại được công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để chất thải nguy hại có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh, chủ cơ sở sẽ tiến hành thu gom chất thải nguy hại bị rò rỉ, phát tán vào thùng chứa, kho chứa và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 15 ngày, dự kiến từ 01/08/2023 – 15/08/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.2. Thực hiện kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận thông qua việc thực hiện quan trắc nước thải định kỳ 06 tháng/lần.

3.3. Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.

3.4. Hộ Kinh Doanh Tô Ngọc chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## Phụ lục 2

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ phương tiện di chuyển, máy móc trong nhà xưởng (nguồn phát sinh không có điểm tập trung).

- Nguồn số 02: Tại khu vực HTXLNT.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn cụ thể như sau:

| STT | Tên thông số ô nhiễm | Giá trị giới hạn, dBA<br>(Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường) |
|-----|----------------------|--|
| 1   | Từ 6 giờ đến 21 giờ  | 70   |
| 2   | Từ 21 giờ đến 6 giờ  | 55   |

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

- Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



### Phụ lục 3

## **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

#### **1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

##### **1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

| STT         | Tên CTNH                  | Mã CTNH  | Trạng thái tồn tại | Khối lượng phát sinh | Nguồn phát sinh                 |
|-------------|---------------------------|----------|--------------------|----------------------|---------------------------------|
| 1           | Giẻ lau dính dầu          | 18 02 01 | Rắn                | 09 kg/năm            | Trong quá trình sản xuất        |
| 2           | Bóng đèn huỳnh quang hỏng | 16 01 06 | Rắn                | 15 kg/năm            | Thấp sáng khu nhà ở, kho, đường |
| <b>Tổng</b> |                           |          |                    | <b>24</b>            |                                 |

##### **1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

| STT | Loại chất thải   | Khối lượng   |
|-----|--|--------------|
| 1   | Thùng carton, bao bì đựng bán thành phẩm, nguyên vật liệu,...        | 7.350 kg/năm |
| 2   | Bao bì nhựa (đã chứa chất thải khi thải ra không phải là CTNH) thải. |              |
| 3   | Bùn thải từ HTXLNT   | 4.000 kg/năm |
| 4   | Nguyên vật liệu phế thải, đường, bột mì,...                          | 2.800 kg/năm |

##### **1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

| STT | Tên chất thải      | Khối lượng (kg/ngày) |
|-----|--------------------|----------------------|
| 1   | Rác thải sinh hoạt | 32                   |

#### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

##### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa ngoài trời: 12 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền tráng xi măng, tường xây

vách tole, mái lợp tole và có dán nhãn cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- **Đối với phế liệu:** thùng carton, bao bì đựng nguyên liệu, bọc PE, bọc PA, bọc màu, inox, nhôm, dây niềng thùng, ủng và găng tay... được thu gom bán phế liệu.

- **Chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm:** nguyên vật liệu phế thải, đường, bột mì,... được thu gom phân loại vào thùng chứa rác 120 lít để xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

- **Bùn sinh ra từ hệ thống xử lý nước thải:** Bùn thải định kỳ sẽ được bơm qua hầm Biogas để xử lý 01 lần/năm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa 15 lít và 120 lít có nắp đậy.

- Hằng ngày được công nhân vệ sinh thu gom vào cuối ngày, tập kết về khu vực chứa rác tạm. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không có.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện các biện pháp hạn chế, giảm thiểu mùi hôi phát sinh trong quá trình hoạt động, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.